

Số: 08/2021/QĐST-DS

Bắc Kạn, ngày 24 tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, các điều 157, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 35/2020/TLST-DS ngày 07/10/2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Trần Quốc H (Tên gọi khác: Trần Văn H, Trần Việt H); sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ nhân dân ND, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị đơn: Ông Triệu Văn C; sinh năm 1973

Người đại diện theo ủy quyền của ông Triệu Văn C là bà Hoàng Thị H; sinh năm 1952;

Cùng địa chỉ: Tổ nhân dân ND, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Triệu Văn C: bà Đỗ Thị X – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1) Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện N: Bà Bùi Thị Th– Chức vụ: Phó trưởng phòng, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

2) Bà Nông Thị M; sinh năm 1975;

3) Bà Lý Thị Nh; sinh năm 1974;

4) Bà Nông Thị T; sinh năm 1963;

5) Anh Nông Minh C; sinh năm 1988

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nông Minh C: chị Tường Thị H1; sinh năm 1981.

6) Anh Triệu Văn H2; sinh năm 1995;

7) Chị Triệu Hiểu L; sinh năm 2003;

Người đại diện theo ủy quyền của anh H2, chị L: bà Hoàng Thị H; sinh năm 1952

Cùng địa chỉ: Tổ nhân dân NĐ, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bị đơn ông Triệu Văn C được quyền sử dụng phần diện tích đất 47,8m², được giới hạn bởi các điểm 14,15, 60 (gốc cây tre trên thực địa) và diện tích đất 920,9m² được giới hạn bởi các điểm 15, 16, 17, 18, 19, 20, 34, 33, 32, 44, 62, 61, 15. Tổng diện tích đất ông Triệu Văn C được quyền sử dụng là 968,7m².

2.2. Nguyên đơn ông Trần Quốc H được quyền sử dụng phần diện tích đất 938,9m² được giới hạn bởi các điểm: 15, 61, 62, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 13, 14, 60, 15.

2.3. Đối với phần diện tích đất tranh chấp giữa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị T và nguyên đơn ông Trần Quốc H. Hai bên xác định ranh giới thửa đất số 201, tờ bản đồ số 1 của ông H bà M giáp ranh với thửa đất của bà T là các điểm từ 1, 25, 24, 23, 22, 27, 28, 29, 30, 31, 32 theo sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/8/2021.

Địa chỉ đất tại Tổ nhân dân NĐ, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, thuộc thửa đất số 201, tờ bản đồ số 1 đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 237486 ngày 21/7/2009 cho ông Trần Văn H (Trần Quốc H) và bà Nông Thị M (*Có Sơ đồ đất kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/8/2021 và Biên bản hòa giải ngày 16/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn*).

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chỉnh lý, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2.4. Đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại về 09 cây cam trên đất tranh chấp của nguyên đơn ông Trần Quốc H đối với bị đơn ông Triệu Văn C do ông H rút yêu cầu này. Nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết lại vụ án đối với yêu cầu này theo quy định.

2.5. Về chi phí xem xét thẩm định: Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 02 lần là 11.900.000đ (Mười một triệu chín trăm nghìn đồng). Trong đó:

- Nguyên đơn ông Trần Quốc H tự nguyện chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định là 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm nghìn đồng), trừ vào tiền tạm ứng đã nộp. Xác định ông H đã nộp đủ.

- Bị đơn ông Triệu Văn C (Bà H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn) tự nguyện chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Bên Bị đơn đã nộp tạm ứng số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Nay bên Bị đơn nhất trí nhận hoàn lại số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) từ bà Nông Thị T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị T tự nguyện chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), bà T đã nộp tạm ứng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), do vậy, bà T có trách nhiệm hoàn trả cho ông Triệu Văn C số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Việc thi hành án khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Trần Quốc H tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) đối với yêu cầu giải quyết tranh chấp với ông Triệu Văn C và tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) đối với yêu cầu giải quyết tranh chấp với bà Nông Thị T, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 06875 ngày 19/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Xác định ông H đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật

thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- TAND cấp cao tại Hà Nội (Kèm Biên bản hòa giải thành);
- T.H.A DS huyện N, tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu HSVA;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Hoa